

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/DS-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tiêu Thị Kim Liên

Ông Lê Bá Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P; Địa chỉ: đường N, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thảo; Địa chỉ: đường Đ, phường Cát Lái, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 16/10/2017) (có mặt)

- Đồng bị đơn : Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Kim B; Cùng địa chỉ: đường số M, Phường N, quận H, Tp.HCM; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai, bà Lê Thị Thảo đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2015, ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B đã ký Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 2312TT/HĐTDTDH-CN/045 vay của Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng) với mục đích vay mua xe Ô tô JAGUAR XJ PREMIUM LUXURY, màu Polaris White, mới 100%. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm cố định 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, lãi suất cho vay trong hạn được điều

chính 03 tháng/lần, theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu; thời gian trả nợ gốc và lãi: mỗi tháng 01 lần, số tiền trả hàng tháng là 33.330.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay ông A và bà B đã thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu JAGUAR XJ PREMIUM LUXURY, màu Polaris White, mới 100%, số máy: 050214181645204PT, số khung:SAJAA12N7EPV72487, biển số: 51F – 253.68, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081683 ngày 09/7/2015 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tài sản đảm bảo được thế chấp theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 2171TT/15/HĐBĐ-045/PL-01 ngày 10/7/2015 và phụ lục hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải số 2171TT/15/HĐBĐ-045/PL-01 ngày 10/7/2015. Được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 10/7/2015 tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B 2.800.000.000 đồng vào ngày 10/7/2015 theo khế ước nhận nợ số 2312TT/15/HĐTDTDH-CN/045/KUNN-01. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông A và bà B đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 10/6/2017 ông A và bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.159.842.316 đồng (Trong đó nợ gốc là 733.260.000 đồng, nợ lãi 426.582.316 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhưng ông A và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phía Ngân hàng đã chuyển số nợ mà hàng tháng lẽ ra ông A và bà B phải trả sang nợ quá hạn từ ngày 10/6/2017.

Tính đến thời điểm 27/4/2018, ông A và bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.313.020.129 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 2.066.740.000 đồng, lãi trong hạn là 216.147.309 đồng, lãi quá hạn 30.132.820 đồng)

Tại phiên Tòa, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc ông A và bà B thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền 2.313.020.129 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 2.066.740.000 đồng, lãi trong hạn là 216.147.309 đồng, lãi quá hạn 30.132.820 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền trên, ông A và bà B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B để tiếp tục thu hồi nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, thông

báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông A và bà B vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thể hiện; ông A và bà B đã vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 2.800.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông A và bà B đã vi phạm việc trả nợ nên phía ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với các khoản thanh toán hàng tháng mà hai bên đã thỏa thuận. Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện, hiện nay ông A và bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.313.020.129 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 2.066.740.000, lãi trong hạn là 216.147.309 đồng, lãi quá hạn 30.132.820 đồng). Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] 1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[3] Ngân hàng TMCP P khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B, cùng địa chỉ: đường số M, Phường N, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo

khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông A và bà B vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B.

[5] 2. Về yêu cầu của các đương sự:

[6] Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 2312TT/HĐTDTDH-CN/045, khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng tính đến ngày 27/4/2018 là: 2.313.020.129 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 2.066.740.000, lãi trong hạn là 216.147.309 đồng, lãi quá hạn 30.132.820 đồng)

[7] Xét về số nợ gốc phải trả: Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B vay của Ngân hàng số tiền 2.800.000.000 đồng thông qua hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 2312TT/HĐTDTDH-CN/045 ngày 10/7/2015, phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông A và bà B tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Theo hợp đồng trên thì hàng tháng ông A và bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng 33.330.000 đồng tiền gốc và lãi theo hợp đồng, trả liên tục trong vòng 84 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 10/6/2017 ông A và bà B đã trả cho phía Ngân hàng 1.159.842.316 đồng (Trong đó nợ gốc là 733.260.000 đồng, nợ lãi 426.582.316 đồng). Mặc dù thời hạn vay của hợp đồng là 84 tháng tuy nhiên ông A và bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phía ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ trước hạn là đúng theo quy định tại điều 6 của hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông A và bà B trả số tiền nợ gốc là 2.066.740.000 đồng (2.800.000.000 đồng - 733.260.000 đồng = 2.066.740.000 đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét về nợ lãi phải trả:

[9] Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 2312TT/HĐTDTDH-CN/045 ngày 10/7/2015 hai bên có thỏa thuận: Lãi suất tiền vay là 7.5%/01 năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng cố định 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần, theo quy định của Ngân hàng.

[10] Lãi suất nợ quá hạn: theo điều 2 của hợp đồng quy định bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn.

[11] Tại khoản 2 Điều 5 của hợp đồng tín dụng “*Ngay khi đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn/kết thúc kỳ hạn vay nếu bên vay không trả hết số nợ và không được HDBank cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì toàn bộ số dư nợ gốc còn lại (dư nợ của tất cả các KUNN thuộc hợp đồng này) sẽ được chuyển sang nợ quá hạn. Nhưng chỉ áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần dư nợ của KUNN mà bên vay không trả đúng hạn.*

Khi đến hạn của mỗi kỳ hạn trả lãi nếu bên vay không trả đủ lãi cho một kỳ hạn trả lãi mà không được HDBank cơ cấu lại thời hạn trả lãi, thì toàn bộ số

dư nợ gốc thực tế còn lại của các KUNN bị chuyển nợ quá hạn nhưng vẫn áp dụng lãi suất vay trong hạn, phần lãi vay vi phạm sẽ bị phát chậm trả”

[13] Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của phía Ngân hàng. Cụ thể: lãi trong hạn + lãi quá hạn = 216.147.309 đồng + 30.132.820 đồng = 246.280.129 đồng (tính đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm ngày 27/4/2018).

[14] Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:

[15] Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2018 ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[17] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí phải chịu là: 78.260.402 đồng

[18] Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng ;

Áp dụng Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP P:

Buộc ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng cộng: 2.313.020.129 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 2.066.740.000, lãi trong hạn là 216.147.309 đồng, lãi quá hạn 30.132.820 đồng) trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; đồng thời phía Ngân hàng phải có nghĩa vụ giải chấp và trả lại cho ông A và bà B Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số biển số: 51F – 253.68 sau khi ông A và bà B trả xong tất cả các khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh.

Trường hợp ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu JAGUAR XJ PREMIUM LUXURY, màu Polaris White, mới 100%, số máy: 050214181645204PT, số khung: SAJAA12N7EPV72487, biển số: 51F – 253.68 để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B để tiếp tục thu hồi nợ vay.

Kể từ ngày 28/4/2017 ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Kim B chịu 78.260.402 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn lại 37.805.618 đồng cho Ngân hàng TMCP P theo biên lai thu số AA/2017/0027025 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

